

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ - ST

Ngày 07 - 4 - 2023

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phương và ông Lê Chí Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2023, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1986.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Xóm B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn N, sinh năm 1972.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi làm việc: Công ty Cổ phần đường sắt H cung đường P; địa chỉ: Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị T, anh N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Tạ Văn N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 24 tháng 10 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu ngắn, anh chị chưa hiểu rõ tính cách của nhau nên khi về chung sống thì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau; bên cạnh đó anh N không tôn trọng chị mà thường có lời lẽ xúc phạm chị, chị và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2022, anh N có đến tìm nhưng chị không về chung sống cùng anh N nữa, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, mỗi

người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Tạ Văn N trình bày:

Anh nhất trí với chị T trình bày về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau, thỉnh thoảng có xảy ra cãi chửi nhau nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân là do anh làm công nhân làm việc tại Công ty Cổ phần đường sắt Hà Ninh cung đường Phủ Lý, do sức khỏe yếu nên anh được chuyển sang làm ở bộ phận khác thu nhập thấp hơn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, chị T không thông cảm chia sẻ cùng anh mà thường xuyên day nghiến anh. Tháng 9/2022 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh đến tìm thì chị T về chung sống cùng anh nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được, đến tháng 11/2022 chị T lại bỏ về nhà đẻ ở, anh đến tìm nhưng chị T không về chung sống cùng anh nữa. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ tháng 11/2022 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N thống nhất vợ chồng có 02 con chung là các cháu Tạ Văn H, sinh ngày 19/10/2009 và Tạ Thảo Tr, sinh ngày 26/3/2018. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Tr, giao cho anh N nuôi dưỡng cháu H, anh chị không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về con riêng, con nuôi: Chị T, anh N xác định không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyên vọng của cháu Tạ Văn H: Cháu là con đẻ của bố Tạ Văn N và mẹ Bùi Thị T, hiện nay cháu đang ở với bố; trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm HĐXX nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao chị T nuôi dưỡng cháu Tạ Thảo Tr, sinh ngày 26/3/2018, giao anh N nuôi dưỡng cháu Tạ Văn H, sinh ngày 19/10/2009,

hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tạ Văn N có nơi cư trú tại tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2008 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh chị không bao ban nhau làm ăn mà thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Anh N xin đoàn tụ là vì mong muốn các con có cả bố và mẹ, anh cũng không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc giải quyết cho chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N ly hôn là cần thiết, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh N thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Tạ Văn H, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Tạ Thảo Tr, sinh ngày 26/3/2018. Ly hôn anh chị thống nhất giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, nguyện vọng của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N.

2/ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N. Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Tạ Thảo Tr, sinh ngày 26/3/2018; Giao cho anh N được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Tạ Văn H, sinh ngày 19/10/2009, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị Bùi Thị T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý theo biên lai số AA/2021/0001595 ngày 10/01/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp. Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai, chị Bùi Thị T và anh Tạ Văn N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân

